

SỰ GIẢN DỊ TRONG GIÁO LÝ CỦA ĐẠO HÒA HẢO

VÔ VĂN THẮNG^{*}
ĐỖ ANH THU^{**}

Phật giáo Hoà Hảo thường được gọi và viết tắt là Hoà Hảo. Là một tôn giáo nội sinh, không mấy lai tạp, phản ánh mong muốn và phong cách sinh hoạt của đồng bào nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long những năm 30 của thế kỷ XX.

Nói đến Phật giáo Hòa Hảo, người ta thường nhớ đến những biến cố thăng trầm xảy ra trong quá khứ và đã có một số người có thành kiến sâu đậm với nó. Nhưng trong cuộc sống hiện đại đang diễn ra ồ ạt, với những cách suy nghĩ mới, với tầm nhìn rộng mở thì cần phải thấy rằng, Phật giáo Hòa Hảo dù có những khúc quanh, những đoạn khúc khuỷu trên chặng đường phát triển của mình, tôn giáo nội sinh này đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ, làm đổi thay diện mạo cả vùng thánh địa. Tôn giáo không phải lúc nào cũng gieo rắc sự mê muội như nhiều người thường nghĩ, mà nó còn là điểm tựa, là nhu cầu không thể thiếu trong đời sống tâm linh của con người, nó nảy nở và phát triển theo thời gian, theo sự tiến bộ của xã hội. Những tôn giáo nào lành mạnh, chứa đựng những giá trị nhân văn, tiến bộ thì sẽ trường tồn. Phật giáo Hòa Hảo cũng không vượt ra khỏi những quy luật chung ấy.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, đồng bào Phật giáo Hòa Hảo đã chung sức cùng nhân dân cả nước, góp phần làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Chính vì thế, Phật giáo Hòa Hảo, cũng như một số tôn giáo yêu nước thời bấy giờ đã thổi một luồng sinh khí vào cuộc sống tâm tởi, bản cùng của người nông dân Nam bộ, hun đúc lòng yêu nước, tạo nên sự cố kết cộng đồng mạnh mẽ. Nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng nhận định: “không địa phương nào có nhiều đạo như An Giang - đạo ở đây không chỉ mang ý nghĩa tôn giáo hay mê tín dân gian, mà còn là nơi nuôi dưỡng hồn nước

^{*}TS. Trường Đại học An Giang.

^{**} Trường Đại học An Giang.

qua hàng thế kỷ”¹. Trong bài viết này, chúng tôi muốn tìm hiểu một trong những nguyên nhân làm cho Phật giáo Hoà Hảo tồn tại và phát triển đến ngày nay, đó là tính giản dị trong giáo lý của nó.

Giáo lý đạo Hoà Hảo dựa vào giáo lý đạo Phật nguyên thủy, nhưng được giản đơn hoá đi cho quần chúng ít học có thể hiểu được, nhớ được và làm theo được một cách dễ dàng hơn. Ông Huỳnh Phú Sổ (1920-1947) là người xướng xuất đạo Hoà Hảo cho rằng, giáo lý Hoà Hảo đã khắc phục được nhiều điều căn bản của đạo Phật vốn quá nhiều kinh sách, bàn chuyện cao siêu trừu tượng, tín đồ chẳng hiểu được mấy. Ông nhấn mạnh đạo của ông mang tính phổ quát, phù hợp với đại chúng, sẽ nhanh chóng tạo ra được nhiều người hiền, v.v..²

“Học Phật tu nhân” là pháp môn tu hành do Đức Phật Thầy An sáng lập. Cốt lõi của “Học Phật tu nhân” là dựa vào lời dạy của Đức Phật để rèn luyện đạo đức, tu dưỡng nhân cách, lấy từ ân làm căn bản tu hành. Chính vì “Đạo Phật là đạo từ bi bác ái, dĩ đức hạo sanh khoan hồng đại độ; tuy tình thế đổi thay chớ tấm lòng nhơn chẳng đổi”³, nên Đức Huỳnh Giáo chủ chọn cho tín đồ của mình con đường “Học Phật tu nhân”.

Học Phật là gì? Lúc tại thế, Đức Phật đã trải qua hạnh nguyện “phước huệ song tu” (tu phước và tu huệ được tiến hành song song với nhau). Nhận thấy phương pháp này dễ tu, dễ đắc, Đức Huỳnh Giáo chủ lấy đó làm kim chỉ nam cho nên đạo. Tu phước là toàn tâm toàn ý làm những việc đúng, những việc thiện lành, nó là trợ duyên để con người tiến từ đạo Nhân lên đạo Phật. Để tu phước, tín đồ có thể tham gia các hoạt động từ thiện xã hội, cụ thể nhất là bố thí. Có ba cách để người tu học thực hiện việc bố thí: 1) Tài thí là đem vật chất mà mình có được để giúp đỡ cho người khác. Tài thí không được đo bằng số lượng, quan trọng là ở tấm lòng. 2) Pháp thí là đem giáo pháp phổ biến cho mọi người, giúp họ giác ngộ, chế ngự tâm. 3) Vô úy thí: kịp thời giúp người trong cơn khốn khó, hiểm nguy, để họ có thể vượt qua nỗi sợ hãi. Trong khi tu phước bồi đắp công đức thì tu huệ giúp con người trau dồi trí tuệ, đoạn tận tham, sân, si, thoát khỏi sinh tử, luân hồi, sao cho: “Tâm sáng suốt như đài nguyệt kiết/Tánh trong như nước bích mùa xuân”⁴. Tu huệ có thể đạt đến bằng nhiều con đường khác nhau, nhanh hay chậm tùy theo pháp môn mà tín đồ chọn lựa. Thế nhưng, pháp môn của Phật là vô lượng, ước chừng tám vạn bốn ngàn pháp môn⁵. Một pháp môn cụ thể nghiên ngẫm cả đời chưa chắc đã hiểu thấu. Do đó, Đức Huỳnh Giáo chủ tùy duyên hóa đạo chọn cho tín đồ hai pháp

¹ Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang (2003), *Địa chí An Giang*, t.1, An Giang, 2003, tr.15.

² Mai Thanh Hải: *Từ điển tôn giáo*, Nhà xuất bản Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2002, tr.496-497.

³ Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo: *Sám giảng thi văn toàn bộ của Đức Huỳnh Giáo chủ*, Ban Phổ thông Giáo lý Trung ương ấn hành, 1966, tr.411.

⁴ Sđd, tr.96

⁵ Pháp sư Tịnh Không (Thích Giác Thiện dịch): *Làm thế nào cứu vãn phong hóa xã hội*, 2003, tr.284

môn căn bản: thiền và tịnh độ tu huệ. Tu theo thiền tông chủ yếu dựa vào tự lực, vào chính bản thân mình, trong khi tu theo Tịnh Độ tông thì nhờ vào tha lực. Nếu thiền tịnh song tu, tín đồ sẽ tiến nhanh đến cảnh giới cực lạc. Nhưng trên thực tế, tu tịnh vẫn là phép tu chính, phù hợp với căn cơ của chúng sinh thời bấy giờ. Pháp môn thiền định nuôi dưỡng thân tâm, “lấy sự thiền định mà phá tan màn u minh che phủ”¹, giúp con người sống cân bằng giữa cuộc đời có nhiều giả tạo, từ đó “đẹp bỏ hết các sự phiền não rầu buồn, phá tan các làn sóng thị dục lôi kéo vào những nẻo tà, tâm ta chẳng còn xao động, trí ta tỏ rạng như trăng rằm, một màu sáng suốt, không nhiễm ô cảnh ngoại, dứt tuyệt hết sự phàm trần, lần bước đi đến cõi giải thoát”². Để thiền định hiệu quả, tín đồ cần phải tu tâm, quay về tâm. Phật giáo Hòa Hảo lấy chữ “tâm” làm gốc, làm trung tâm điểm của vòng xoáy ốc, tất cả những giáo lý của đạo đều xoay quanh trung tâm này. Đối với Đức Huỳnh Giáo chủ, Phật không có hình tướng, không có pháp tướng. Tất cả đều do tâm mà ra: “Địa ngục cũng tại tâm làm quấy/ Về thiên đàng tâm ấy tạo ra/ Cái chữ tâm mà quỷ hay ma/ Tiên hay Phật cũng là tại nó”³.

Chính vì vậy, trong cách đối nhân xử thế, tín đồ cần phải: “Dùng từ ngôn nói tận đáy lòng” và phải “Ráng tu đem được Phật vào trong tâm”⁴. Pháp môn tịnh độ là pháp môn tri niệm danh hiệu Đức Phật a di đà, là pháp môn đặc biệt, chỉ với sáu chữ “nam mô a di đà Phật” mà chứa đựng đầy đủ vạn đức, thâm tóm tinh túy của các pháp. “Nam mô” mang ý nghĩa là cung kính, là lễ bái, là quy y. Câu Phật hiệu “nam mô a di đà Phật” hiểu một cách đơn giản là tín đồ cung kính, quy y Đức Phật a di đà. Sâu xa hơn, danh hiệu “Phật a di đà” biểu trưng cho vô lượng giác. A ý nghĩa là vô, di đà là lượng, vô lượng nghĩa là giác ngộ. Đối với hết thảy người, hết thảy vật, hết thảy sự vật, tận hư không, khắp pháp giới, không có thứ gì không giác ngộ⁵. Với ý nghĩa đó, “Nam mô a di đà Phật” là “tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc của toàn bộ Phật pháp”⁵. Muốn niệm Phật đạt kết quả, tín đồ phải tuân thủ năm nguyên tắc: 1) Niệm Phật phải chú tâm, không xao lãng, đạt đến trạng thái “nhất tâm bất loạn”. 2) Niệm Phật phải có lòng lành, trong tâm phải có Phật. Niệm Phật không nên chú ý đến số lượng, không chỉ đơn thuần lặp lại Phật hiệu một cách máy móc, mà phải niệm cái bản lai thanh tịnh của Phật cho lòng của mình nương theo đó mà được thanh tịnh và chẳng còn nhiễm trần ai. 3) Niệm Phật phải luôn nhớ đến bốn đại đức của Đức Phật là từ, bi, hỷ, xả để noi theo đó mà thực hiện, cụ thể là phải sửa tâm, tránh ác hành thiện. 4) Phải gắn việc niệm Phật với những hành động cụ thể, như tham gia vào các hoạt động xã hội từ thiện hay đền trả tứ ân: “Tu thân thiện tín

¹ Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo: *Sấm giảng thi văn* toàn bộ của Đức Huỳnh Giáo chủ, Ban Phổ thông Giáo lý Trung ương ấn hành, 1966, tr.411.

² Sđd, tr.164

³ Sđd, tr. 97.

⁴ Pháp sư Tịnh Không (Thích Giác Thiện dịch): *Làm thế nào cứu vãn phong hóa xã hội*, 2003, tr.87.

⁵ Sđd, tr.333.

phải chuyên cần/ Lục tự di đà giữ tứ ân”¹. 5) Niệm Phật phải dựa trên ba yếu tố căn bản của pháp môn tịnh độ là tín, nguyện và hạnh. Tín là thành tâm tin vào những lời Phật dạy, tin cốt cực lạc là có thật, tin vào tha lực của Đức Phật a di đà cùng 48 lời đại nguyện của Ngài, đặc biệt phải tin vào khả năng tu tập của chính bản thân. Nguyện là dựa trên lòng tin đó, người tu hành nguyện cầu thành khẩn để được vãng sanh nơi cực lạc. Hạnh là bước tiếp theo của tín và nguyện là thực hành (hạnh), là trì danh niệm Phật sao cho ngăn ngừa sự phát khởi của tham, sân, si. Việc niệm Phật giúp cõi lòng an lạc, trừ được sầu khổ, tránh điều ác, phát triển điều lành, tiêu tan chương nghiệp, gặt hái được quả ngọt về sau: “Kệ kinh tụng niệm đêm thanh/ Ấy là châu ngọc để dành ngày sau”².

Vì sao phải tu nhân? Đức Phật từng dạy, con người nên hiểu biết phận sự của mình phải làm gì trong kiếp sống và tìm kiếm chân tánh của mình. Để nhận ra được cái chân tánh đó thì bên cạnh việc học Phật, tu nhân là hết sức cần thiết. Tu nhân là tu dưỡng đạo làm người và “nó là một con đường đi trúng thì sống, bước trật tất chết”³. Để tu nhân, con người cần phải giữ vẹn tứ ân, báo đáp tứ ân. Tứ ân hay tứ đại trọng ân là một trong những giáo lý quan trọng của Phật giáo, có ảnh hưởng sâu sắc đến các đạo giáo khác ở Nam bộ. Nó đòi hỏi người tu tập phải biết tri ân và báo đáp bốn ơn sâu nặng, gồm: ơn cha mẹ, ơn chúng sinh, ơn quốc vương, ơn tam bảo. Mặc dù xem tứ ơn là chuẩn mực để hoàn thiện nhân cách con người, nhưng cách kế thừa tư tưởng ấy của mỗi giáo phái ở Nam bộ có khác nhau. Tứ đại trọng ân của đạo Bửu sơn kỳ hương gồm: ân tổ tiên phụ mẫu, ân quốc vương thủy thổ, ân tam bảo sư truyền, ân đồng bào và nhân loại. Đạo Tứ ân hiếu nghĩa thì quan niệm tứ ân phải là: ân Phật và thầy tổ, ân cha mẹ tổ tiên, ân quốc gia xã hội, ân nhân loại. Đối với đạo Cao đài, tứ ân lại bao gồm: ân cha mẹ phàm trần, ân cha mẹ thiêng liêng, ân thầy dạy dỗ nên người, ân quốc gia xã hội. Đến Phật giáo Hòa Hảo, tứ ân lại trở thành: ân tổ tiên cha mẹ, ân đất nước, ân tam bảo, ân đồng bào và nhân loại.

Như vậy, có thể thấy rằng, tại Nam bộ, hành trình của giáo lý tứ ân được thay đổi tùy theo hoàn cảnh xã hội, tùy theo đường hướng hành đạo, và từ tư tưởng trung với vua (ân quốc vương thủy thổ), đến Phật giáo Hòa Hảo đã chuyển thành đạo lý trung với nước (ân đất nước). Trình tự trong giáo lý tứ ân của Phật giáo Hòa Hảo không phải được sắp xếp một cách ngẫu nhiên. Ân tổ tiên cha mẹ phải được đặt lên hàng đầu, vì suy cho cùng, người yêu thương chúng ta nhất, người mong được đón nhận chúng ta ra đời nhất chính là cha mẹ. Cha mẹ cho chúng ta hình hài, tần tảo sớm hôm nuôi dạy chúng ta khôn lớn. Cha mẹ là sợi dây ràng buộc thiêng liêng, kết nối chúng ta với cõi đời trần

¹ Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo: *Sám giảng thi văn toàn bộ của Đức Huỳnh Giáo chủ*, Ban Phổ thông Giáo lý Trung ương ấn hành, 1966, tr.406.

² Sdd, tr.406.

³ Sdd, tr.151

thế, là bến bờ vô tận cho chúng ta nương tựa,... Cái ơn ấy suốt đời này ta cũng không sao trả nổi, bởi lẽ “Phụ mẫu thâm ân vô lượng kiếp”¹. Vì thế, phận làm con phải thấu hiểu thâm ân đó và hết lòng báo đáp. Nhưng biết ơn cha mẹ, báo hiếu với cha mẹ thôi chưa đủ mà còn phải biết ơn tổ tiên. “Cây có cội, nước có nguồn” - đạo lý ấy ngàn đời không thay đổi được. Chữ “hiếu” là đức hạnh cốt yếu, là trung tâm nảy sinh mọi đức hạnh khác. Đức Huỳnh Giáo chủ đã cụ thể hóa chữ hiếu ấy thành ân tổ tiên cha mẹ. Khi đã hoàn thành đạo hiếu thì việc chuyển từ “hiếu” sang “trung” là rất dễ dàng. Do đó, bên cạnh ân tổ tiên cha mẹ, ân đất nước cũng là một ân hết sức quan trọng mà mỗi tín đồ cần phải ghi nhớ: “Sanh ra, ta phải nhờ tổ tiên, cha mẹ, sống ta cũng nhờ đất nước, quê hương. Hưởng những tác đất, ăn những ngọn rau, muốn cho sự sống được dễ dàng, giống nòi được truyền thụ, ta cảm thấy bồn phận phải bảo vệ đất nước khi bị kẻ xâm lăng giày đạp... Bờ cõi vững lặng thân ta mới yên, quốc gia mạnh giàu mình ta mới ấm”². Đất nước vừa là biểu tượng của hồn thiêng sông núi, vừa là cầu nối giữa đạo và đời. Đất nước thanh bình thì tín đồ mới an cư lạc nghiệp, mới có thể chuyên tâm để tu hành. Chính vì thế, ý thức về đạo phải gắn liền với ý thức về sự tồn vong của dân tộc, bởi “hễ nước mất thì cơ sở của đạo phải bị lập vùi; nước còn nền đạo được phát khai rực rỡ”³.

Đức Phật từng trả lời: “Nước mắt chúng sinh trong ba ngàn thế giới đem chứa tích lại còn nhiều hơn là nước trong bốn bể”⁴. Bằng tấm lòng từ ái bao dung, Đức Phật truyền thụ giáo pháp của mình cho chư tăng với mong muốn lời dạy ấy sẽ đem lại sự giải thoát, đem lại nguồn sáng cho nhân loại. Vì vậy, Phật, pháp, tăng được nhà Phật trân trọng gọi là tam bảo, tức ba bảo bối quý hiếm. Tam bảo mang lại cho con người sự viên mãn trong cuộc đời trần thế này, do đó các tín đồ có bồn phận cung kính tri ân và thành tâm tu học sao cho trí tuệ mình mãi đặn đi đến con đường giải thoát, dẫn dắt giùm kẻ sa cơ, đặc biệt là phải tiếp tục khai thông nền Đạo đức, đặng cái tinh thần từ bi bác ái được gieo rải khắp nơi nơi trong bá tánh.

Ân đồng bào và nhân loại là ân thứ tư trong giáo lý tứ ân của Phật giáo Hòa Hảo. Nó nhắc nhở con người phải biết quý trọng, tri ân từ những điều nhỏ nhất nhất trong cuộc sống. Là một thành viên của xã hội, con người không thể sống tách rời với cộng đồng, vì con người “vừa mở mắt chào đời đã thấy mình phải nhờ đến sự giúp đỡ của những kẻ ở xung quanh, và cái niên kỷ càng lớn thêm bao nhiêu, sự nhờ nhờ càng tuần tự thêm nhiều chừng nấy”⁴. Với những triết

¹ Sdd, tr.355.

² Sdd, tr.147.

³ Sdd, tr.415.

⁴ Phan Thu Hiền (tuyển chọn và giới thiệu): *Kinh Phật*, 1997, tr.75.

⁴ Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo: *Sấm giảng thi văn toàn bộ của Đức Huỳnh Giáo chủ*, Ban Phổ thông Giáo lý Trung ương ấn hành, 1966, tr.406.

lý sâu xa, ân đồng bào và nhân loại kéo con người ra khỏi lớp vỏ bọc vị kỷ, để từ đó mở lòng ra với mọi người, phát huy cao độ tinh thần hòa hiệp, tương thân tương ái. Theo quan niệm của Đức Phật, giáo thuyết giống như một chiếc bè, như một phương tiện tạm thời để qua sông. Quan trọng là ta lĩnh hội được điều gì từ nó, chứ không nhất thiết phải lệ thuộc, bám chặt vào những luật lệ ấy. Đức Huỳnh Giáo chủ cũng không tạo ra một khuôn mẫu cứng nhắc trong những lời răn dạy của mình; trái lại, Ngài khuyên mỗi người tùy hoàn cảnh, tùy điều kiện mà vận dụng giáo lý một cách khác nhau. Thông thường, ân tổ tiên cha mẹ được đặt lên hàng đầu, nhưng khi đất nước có giặc ngoại xâm thì tín đồ cần tạm gác lại chuyện gia đình, ân đất nước phải chiếm vị trí quan trọng nhất. Bởi lẽ, đất nước chính là thành quả của tổ tiên, do mồ hôi giọt máu cha ông bồi đắp. “Nước mất đâu dễ ngồi an” vốn là đạo lý truyền thống của dân tộc, đã là con người thì không thể thờ ơ với vận mệnh của non sông, Tổ quốc mình: “Nếu nay chẳng vậy vùng cương quyết/ Thì ắt là tiêu diệt giống nòi/ Muôn năm chịu kiếp tôi đòi/ Thân người như thế còn coi ra gì?”¹.

Tóm lại, học Phật không chỉ là nghiên cứu kinh điển của đạo Phật, mà phải trải nghiệm bằng cả cuộc đời. Nghe giảng mà không lấy cuộc đời của mình ra để thực chứng thì chưa thể cảm nhận hết về sống động của nó, nói như thiền sư Nhất Hạnh: “Sống trong xã hội, cảm thông những khổ đau của xã hội, ta mới thấy sáng tỏ nơi trí tuệ ta những nguyên lý và phương pháp mà Đức Phật dạy. Phải sống ta mới hiểu. Giáo lý và cuộc đời cũng ví như hai tảng đá, chạm nhau thì phát sinh ra lửa: ngọn lửa thiêng đó chính là con đường, là nguyên lý linh động. Dem giáo lý sống trong cuộc đời ta mới thực nhận được những nguyên lý linh động ấy”². Học Phật là để hiểu biết. Chỉ tu nhân thôi chưa đủ. Nhưng hoàn thành đạo nhân cũng đồng nghĩa với tiến xa trên bước đường học Phật. Học Phật và tu nhân không tách rời nhau, mà hòa quyện vào nhau, trở thành một thể thống nhất.

Với hình thức tu hành giản dị, với giáo lý đã được đơn giản hoá, phổ thông hoá, Phật giáo Hòa Hảo đã khiến những người mộ đạo cảm nhận được tôn giáo này không xa lạ, khó hiểu mà thật sự gần gũi với cuộc sống thường nhật của mình. Cuộc sống ấy chẳng những không bị khuấy động mà còn có vẻ yên bình hơn. Từ đó, họ đón nhận Phật giáo Hòa Hảo với lòng nhiệt thành, sự hân hoan và cảm nhận mới về cuộc sống của con người không mang tính phủ định.

¹ Sdd, tr.403.

² Nhất Hạnh: *Đạo Phật ngày nay*, Nhà xuất bản Lá bối, 1969, tr.118.